



**BẢNG TỌA HỢP ĐẦU GIÁ ĐẤT NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 646/QĐ- UBND ngày 30 /9/2025 của UBND xã Đức Cơ)

| TT       | Khu vực, vị trí                                       | Số lô     | Diện tích<br>(lô/m <sup>2</sup> ) | Giá đất theo Quyết định số<br>43/2025/QĐ-UBND của UBND<br>tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> ) |                               | Ghi<br>chú |
|----------|-------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|
|          |                                                       |           |                                   | Giá đất<br>(đồng/m <sup>2</sup> )                                                     | Số tiền thu được<br>(đồng/lô) |            |
| <b>I</b> | <b>Khu vực Tổ dân phố 7 (Đường Phan<br/>Bội Châu)</b> | <b>55</b> | <b>11.422,9</b>                   |                                                                                       | <b>11.234.520.000</b>         |            |
| <b>1</b> | <b>Khu OLK - 01: 03 lô</b>                            | <b>3</b>  | <b>734,7</b>                      |                                                                                       | <b>687.020.000</b>            |            |
| 1.1      | Lô 02 (thửa đất 194, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 250,1                             | 1.100.000                                                                             | 275.110.000                   | Lô góc     |
| 1.2      | Lô 03 (thửa đất 195, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 229,7                             | 850.000                                                                               | 195.245.000                   |            |
| 1.3      | Lô 04 (thửa đất 196, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 254,9                             | 850.000                                                                               | 216.665.000                   |            |
| <b>2</b> | <b>Khu OLK - 02: 09 lô</b>                            | <b>9</b>  | <b>1.854,00</b>                   |                                                                                       | <b>1.798.815.000</b>          |            |
| 2.1      | Lô 01 (thửa đất 203, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 171,9                             | 850.000                                                                               | 146.115.000                   |            |
| 2.2      | Lô 02 (thửa đất 202, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 196                               | 850.000                                                                               | 166.600.000                   |            |
| 2.3      | Lô 03 (thửa đất 201, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 237,1                             | 1.000.000                                                                             | 237.100.000                   | Lô góc     |
| 2.4      | Lô 04 (thửa đất 206, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 207,2                             | 1.000.000                                                                             | 207.200.000                   |            |
| 2.5      | Lô 05 (thửa đất 208, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 207,5                             | 1.000.000                                                                             | 207.500.000                   |            |
| 2.6      | Lô 06 (thửa đất 210, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 207,9                             | 1.000.000                                                                             | 207.900.000                   |            |
| 2.7      | Lô 07 (thửa đất 212, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 208,3                             | 1.000.000                                                                             | 208.300.000                   |            |
| 2.8      | Lô 08 (thửa đất 213, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 208,8                             | 1.000.000                                                                             | 208.800.000                   |            |
| 2.9      | Lô 09 (thửa đất 217, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 209,3                             | 1.000.000                                                                             | 209.300.000                   |            |
| <b>3</b> | <b>Khu OLK - 03: 03 lô</b>                            | <b>3</b>  | <b>826,8</b>                      |                                                                                       | <b>826.800.000</b>            |            |
| 3.1      | Lô 04 (thửa 229, tờ bản đồ 37)                        | 1         | 283,4                             | 1.000.000                                                                             | 283.400.000                   |            |
| 3.2      | Lô 05 (thửa 232, tờ bản đồ 37)                        | 1         | 287,5                             | 1.000.000                                                                             | 287.500.000                   |            |
| 3.3      | Lô 06 (thửa 234, tờ bản đồ 37)                        | 1         | 255,9                             | 1.000.000                                                                             | 255.900.000                   |            |
| <b>4</b> | <b>Khu OLK - 04: 08 lô</b>                            | <b>8</b>  | <b>1.643,10</b>                   |                                                                                       | <b>1.643.100.000</b>          |            |
| 4.1      | Lô 01 (thửa đất 246, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 202,7                             | 1.000.000                                                                             | 202.700.000                   |            |
| 4.2      | Lô 02 (thửa đất 247, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 203,5                             | 1.000.000                                                                             | 203.500.000                   |            |
| 4.3      | Lô 03 (thửa đất 248, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 204,2                             | 1.000.000                                                                             | 204.200.000                   |            |
| 4.4      | Lô 04 (thửa đất 249, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 205,0                             | 1.000.000                                                                             | 205.000.000                   |            |
| 4.5      | Lô 05 (thửa đất 250, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 205,8                             | 1.000.000                                                                             | 205.800.000                   |            |
| 4.6      | Lô 06 (thửa đất 251, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 206,5                             | 1.000.000                                                                             | 206.500.000                   |            |
| 4.7      | Lô 07 (thửa đất 252, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 207,3                             | 1.000.000                                                                             | 207.300.000                   |            |
| 4.8      | Lô 08 (thửa đất 253, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 208,1                             | 1.000.000                                                                             | 208.100.000                   |            |
| <b>5</b> | <b>Khu OLK - 05: 08 lô</b>                            | <b>8</b>  | <b>1.580,40</b>                   |                                                                                       | <b>1.580.400.000</b>          |            |
| 5.1      | Lô 01 (thửa đất 238, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 194,6                             | 1.000.000                                                                             | 194.600.000                   |            |
| 5.2      | Lô 02 (thửa đất 239, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 195,4                             | 1.000.000                                                                             | 195.400.000                   |            |
| 5.3      | Lô 03 (thửa đất 240, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 196,3                             | 1.000.000                                                                             | 196.300.000                   |            |
| 5.4      | Lô 04 (thửa đất 241, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 197,2                             | 1.000.000                                                                             | 197.200.000                   |            |
| 5.5      | Lô 05 (thửa đất 242, tờ bản đồ 37)                    | 1         | 198,1                             | 1.000.000                                                                             | 198.100.000                   |            |

*hachuc*

| TT        | Khu vực, vị trí                                                                     | Số lô     | Diện tích<br>(lô/m <sup>2</sup> ) | Giá đất theo Quyết định số<br>43/2025/QĐ-UBND của UBND<br>tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> ) |                               | Ghi<br>chú |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|
|           |                                                                                     |           |                                   | Giá đất<br>(đồng/m <sup>2</sup> )                                                     | Số tiền thu được<br>(đồng/lô) |            |
| 5.6       | Lô 06 (thửa đất 243, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 198,8                             | 1.000.000                                                                             | 198.800.000                   |            |
| 5.7       | Lô 07 (thửa đất 244 tờ bản đồ 37)                                                   | 1         | 199,6                             | 1.000.000                                                                             | 199.600.000                   |            |
| 5.8       | Lô 08 (thửa đất 245, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 200,4                             | 1.000.000                                                                             | 200.400.000                   |            |
| <b>6</b>  | <b>Khu OLK - 06: 08 lô</b>                                                          | <b>8</b>  | <b>1.525,70</b>                   |                                                                                       | <b>1.525.700.000</b>          |            |
| 6.1       | Lô 02 (thửa đất 227, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 191,6                             | 1.000.000                                                                             | 191.600.000                   |            |
| 6.2       | Lô 03 (thửa đất 228, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 191,0                             | 1.000.000                                                                             | 191.000.000                   |            |
| 6.3       | Lô 04 (thửa đất 230, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 190,4                             | 1.000.000                                                                             | 190.400.000                   |            |
| 6.4       | Lô 05 (thửa đất 231, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 189,8                             | 1.000.000                                                                             | 189.800.000                   |            |
| 6.5       | Lô 06 (thửa đất 233, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 189,7                             | 1.000.000                                                                             | 189.700.000                   |            |
| 6.6       | Lô 07 (thửa đất 235, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 190,2                             | 1.000.000                                                                             | 190.200.000                   |            |
| 6.7       | Lô 08 (thửa đất 236, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 191,1                             | 1.000.000                                                                             | 191.100.000                   |            |
| 6.8       | Lô 09 (thửa đất 237, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 191,9                             | 1.000.000                                                                             | 191.900.000                   |            |
| <b>7</b>  | <b>Khu OLK - 07: 09 lô</b>                                                          | <b>9</b>  | <b>1.871,50</b>                   |                                                                                       | <b>1.796.590.000</b>          |            |
| 7.1       | Lô 01 (thửa đất 199, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 191,8                             | 1.000.000                                                                             | 191.800.000                   | Lô góc     |
| 7.2       | Lô 02 (thửa đất 200, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 197,4                             | 1.000.000                                                                             | 197.400.000                   |            |
| 7.3       | Lô 03 (thửa đất 204, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 197,1                             | 1.000.000                                                                             | 197.100.000                   |            |
| 7.4       | Lô 04 (thửa đất 205, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 196,7                             | 1.000.000                                                                             | 196.700.000                   |            |
| 7.5       | Lô 05 (thửa đất 207, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 196,7                             | 1.000.000                                                                             | 196.700.000                   |            |
| 7.6       | Lô 06 (thửa đất 209, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 196,4                             | 1.000.000                                                                             | 196.400.000                   |            |
| 7.7       | Lô 07 (thửa đất 211, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 196,0                             | 1.000.000                                                                             | 196.000.000                   |            |
| 7.8       | Lô 11 (thửa đất 197, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 262,4                             | 850.000                                                                               | 223.040.000                   |            |
| 7.9       | Lô 12 (thửa đất 198, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 237,0                             | 850.000                                                                               | 201.450.000                   |            |
| <b>8</b>  | <b>Khu OLK - 08: 07 lô</b>                                                          | <b>7</b>  | <b>1.386,70</b>                   |                                                                                       | <b>1.376.095.000</b>          |            |
| 8.1       | Lô 02 (thửa đất 186, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 197,4                             | 1.100.000                                                                             | 217.140.000                   |            |
| 8.2       | Lô 03 (thửa đất 187, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 197,4                             | 1.100.000                                                                             | 217.140.000                   |            |
| 8.3       | Lô 04 (thửa đất 188, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 197,4                             | 1.100.000                                                                             | 217.140.000                   |            |
| 8.4       | Lô 05 (thửa đất 189, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 197,4                             | 1.100.000                                                                             | 217.140.000                   |            |
| 8.5       | Lô 06 (thửa đất 192, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 237,5                             | 850.000                                                                               | 201.875.000                   | Lô góc     |
| 8.6       | Lô 07 (thửa đất 191, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 192,5                             | 850.000                                                                               | 163.625.000                   |            |
| 8.7       | Lô 08 (thửa đất 190, tờ bản đồ 37)                                                  | 1         | 167,1                             | 850.000                                                                               | 142.035.000                   |            |
| <b>II</b> | <b>Khu vực Tổ dân phố 6 (Đường Anh<br/>Hùng Núp - Giáp trường PTDT Nội<br/>trú)</b> | <b>19</b> | <b>3.325,00</b>                   |                                                                                       | <b>5.586.000.000</b>          |            |
| <b>1</b>  | <b>Khu NLK.1:8</b>                                                                  | <b>8</b>  | <b>1.400</b>                      |                                                                                       | <b>2.352.000.000</b>          |            |
| 1.1       | Lô 02 (thửa đất 618, tờ bản đồ 35)                                                  | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 1.2       | Lô 03 (thửa đất 616, tờ bản đồ 35)                                                  | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 1.3       | Lô 04 (thửa đất 615, tờ bản đồ 35)                                                  | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 1.4       | Lô 05 (thửa đất 614, tờ bản đồ 35)                                                  | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |

| TT                      | Khu vực, vị trí                                                 | Số lô     | Diện tích<br>(lô/m <sup>2</sup> ) | Giá đất theo Quyết định số<br>43/2025/QĐ-UBND của UBND<br>tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> ) |                               | Ghi<br>chú |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|
|                         |                                                                 |           |                                   | Giá đất<br>(đồng/m <sup>2</sup> )                                                     | Số tiền thu được<br>(đồng/lô) |            |
| 1.5                     | Lô 06 (thửa đất 613, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 1.6                     | Lô 07 (thửa đất 612, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 1.7                     | Lô 08 (thửa đất 611, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 1.8                     | Lô 09 (thửa đất 610, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2                       | <b>Khu NLK.2: 11</b>                                            | <b>11</b> | <b>1.925,0</b>                    |                                                                                       | <b>3.234.000.000</b>          |            |
| 2.1                     | Lô 02 (thửa đất 631, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.2                     | Lô 03 (thửa đất 630, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.3                     | Lô 04 (thửa đất 629, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.4                     | Lô 05 (thửa đất 628, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.5                     | Lô 06 (thửa đất 627, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.6                     | Lô 07 (thửa đất 626, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.7                     | Lô 08 (thửa đất 625, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.8                     | Lô 09 (thửa đất 624, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.9                     | Lô 10 (thửa đất 623, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.10                    | Lô 11 (thửa đất 622, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| 2.11                    | Lô 12 (thửa đất 621, tờ bản đồ 35)                              | 1         | 175                               | 1.680.000                                                                             | 294.000.000                   |            |
| <b>III</b>              | <b>(Đường đi vào UBND xã Ia Kriêng)</b>                         | <b>8</b>  | <b>2.108,0</b>                    |                                                                                       | <b>2.951.200.000</b>          |            |
| 1                       | Lô số A01 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm)<br>Đường vào UBND xã Ia Kriêng | 1         | 255                               | 1.400.000                                                                             | 357.000.000                   |            |
| 2                       | Lô số A02 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm)<br>Đường vào UBND xã Ia Kriêng | 1         | 255                               | 1.400.000                                                                             | 357.000.000                   |            |
| 3                       | Lô số A03 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm)<br>Đường vào UBND xã Ia Kriêng | 1         | 255                               | 1.400.000                                                                             | 357.000.000                   |            |
| 4                       | Lô số A04 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm)<br>Đường vào UBND xã Ia Kriêng | 1         | 255                               | 1.400.000                                                                             | 357.000.000                   |            |
| 5                       | Lô số A05 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm)<br>Đường vào UBND xã Ia Kriêng | 1         | 255                               | 1.400.000                                                                             | 357.000.000                   |            |
| 6                       | Lô số A06 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm)<br>Đường vào UBND xã Ia Kriêng | 1         | 255                               | 1.400.000                                                                             | 357.000.000                   |            |
| 7                       | Lô số A07 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm)<br>Đường vào UBND xã Ia Kriêng | 1         | 255                               | 1.400.000                                                                             | 357.000.000                   |            |
| 8                       | Lô số A08 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm)<br>Đường vào UBND xã Ia Kriêng | 1         | 323                               | 1.400.000                                                                             | 452.200.000                   |            |
| <b>Tổng cộng: 82 lô</b> |                                                                 | <b>82</b> | <b>16.855,90</b>                  |                                                                                       | <b>19.771.720.000</b>         |            |